

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HIỆP HÒA
TỈNH BẮC GIANG**

Bản án số: 23/2024/HNGĐ-ST

Ngày 16/4/2024

V/v “*Tranh chấp Ly hôn, con chung*”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HÒA, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Sự

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Xuân Trường

Ông Nguyễn Văn Bào

- Thư ký phiên tòa: Ông Thân Văn Đông - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện VKSND huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị T - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 13/2024/TLST-HNGĐ ngày 12/01/2024 về việc “*Tranh chấp Ly hôn, con chung*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2024/QĐST-HNGĐ ngày 12/3/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2023/QĐST-HNGĐ ngày 01/4/2024 giữa các đương sự;

-Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Tâm P, sinh năm 2000 (có mặt)

Nơi ĐKKHKT: Thôn Đ, xã H, huyện H, tỉnh Bắc Giang.

Chỗ ở hiện nay: Thôn T, xã T, thị xã V, tỉnh Bắc Giang.

-Bị đơn: Anh Nguyễn Văn V, sinh năm 1995 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Xóm E, thôn Đ, xã H, huyện H, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Tâm P trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Nguyễn Văn V vào năm 2019, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện H, tỉnh Bắc Giang, kết hôn tự nguyện, có tìm hiểu nhau trước khi kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng chị về chung sống với nhau ngay và ở riêng ngay, không ở cùng gia đình nhà chồng nhưng hộ khẩu chung với nhà chồng. Trong quá trình chung sống thì cuộc sống vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng về làm ăn kinh tế và tình cảm vợ chồng, anh V cứ mâu thuẫn không vừa ý là đánh chị mấy lần, anh chị đã sống ly thân từ tháng 7 năm 2022 cho đến nay. Hiện nay chị đang ở cùng bố mẹ đẻ tại thôn T, xã T, huyện V (nay là thị xã V), hai con chung cũng ở

cùng với chị từ tháng 7 năm 2022 cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, xin ly hôn anh Nguyễn Văn V.

- Về con chung: Chị V xác định có 02 con chung là cháu Nguyễn Đức A, sinh ngày 28/10/2019; cháu Nguyễn Thị Thanh L, sinh ngày 20/12/2021. Hiện nay cả 02 con chung đang ở với chị, sức khỏe các cháu phát triển tốt. Khi ly hôn chị xin được nuôi cả hai con chung. Vấn đề cấp dưỡng chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện nay chị đang làm công nhân ở công ty, không phải làm ca đêm, thu nhập trung bình khoảng 5 triệu đồng/ 1 tháng, chị xác định đủ điều kiện về kinh tế và thời gian để chăm sóc con chung.

-Về tài sản chung, quyền và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị xác định không có, không yêu cầu xem xét, giải quyết.

Tại phiên tòa chị P có mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình xin được ly hôn anh V, chị xin được nuôi cả hai con chung, tài sản, công nợ chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn anh Nguyễn Văn V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không lên Tòa án làm việc và từ bỏ quyền lợi của mình.

Tại phiên tòa, anh Nguyễn Văn V vắng mặt

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án.

- Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Điều 147; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Tâm P được ly hôn anh Nguyễn Văn V.

2. Về con chung: cháu Nguyễn Đức A, sinh ngày 28/10/2019; cháu Nguyễn Thị Thanh L, sinh ngày 20/12/2021 cho chị Nguyễn Thị Tâm P tiếp tục nuôi dưỡng.

Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung, chị P không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

3. Về công nợ, tài sản chung: Chị P không yêu cầu, nên không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị P phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.
Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Ngày 12 tháng 01 năm 2024, Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa thụ lý vụ án theo đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Tâm P xin ly hôn anh Nguyễn Văn V có nơi cư trú tại địa bàn huyện H là đúng thẩm quyền quy

định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự;

[2] Về tố tụng: Anh Nguyễn Văn V vắng mặt không có lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt anh V là có căn cứ.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Tâm P và anh Nguyễn Văn V xác lập quan hệ hôn nhân là tự nguyện, hai bên đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật hôn nhân và gia đình, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện H ngày 06/6/2019, làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng là hôn nhân hợp pháp (Theo Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình). Qua xác minh tại địa phương, gia đình và căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử, xét thấy chị P và anh V sau khi về chung sống thì thời gian đầu chung sống hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn cho đến nay, nguyên nhân do hai bên bất đồng quan điểm về kinh tế và tình cảm dẫn đến tình cảm vợ chồng dần nứt. Khi xảy ra mâu thuẫn đã được gia đình hai bên và vợ chồng tự hòa giải nhưng không thành, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 7 năm 2022 cho đến nay, hai bên không còn liên lạc với nhau. Nay chị P xác định tình cảm vợ chồng không còn và có đơn xin ly hôn anh V. Qua xác minh tại địa phương cũng như tại gia đình thì hiện nay anh V vẫn ở địa phương, đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không liên làm việc và không có ý kiến về việc chị P xin ly hôn. Như vậy, xét thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung của chị P và anh V không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị P là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Chị Nguyễn Thị Tâm P và anh Nguyễn Văn V có 02 con chung là cháu Nguyễn Đức A, sinh ngày 28/10/2019; cháu Nguyễn Thị Thanh L, sinh ngày 20/12/2021. Xét thấy, hiện cả hai con chung đang ở ổn định cùng chị P và chị P xin được nuôi cả hai con chung. Để đảm bảo cuộc sống ổn định của hai con chung nên cần giao cả hai con chung cho chị P tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị P không yêu cầu xem xét nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị P không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Chị P phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm;

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 - Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Điểm a khoản 5; khoản 6 - Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Tâm P được ly hôn anh Nguyễn Văn V.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Đức A, sinh ngày 28/10/2019 và cháu Nguyễn Thị Thanh L, sinh ngày 20/12/2021 cho chị Nguyễn Thị Tâm P tiếp tục nuôi dưỡng.

Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung, chị P không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con sau khi ly hôn không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị P không yêu cầu, nên không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Tâm P phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0003729 ngày 12/01/2024, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị P đã nộp đủ.

5. Về quyền kháng cáo:

-Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

-Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được (hoặc niêm yết) bản án.

6.Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Hiệp Hòa;
- CCTHADS huyện Hiệp Hòa;
- UBND xã Hợp Thịnh, Hiệp Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu hs.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Sự

